

Số: **935/QĐ-UBND**

Yên Bái, ngày **20** tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng**  
**huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 21/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1015/TTr-SXD ngày 16/5/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

**2. Phạm vi, ranh giới và thời hạn quy hoạch**

**2.1. Phạm vi:** Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên 120.096 ha của huyện Mù Cang Chải, gồm 01 thị trấn và 13 xã.

**2.2. Ranh giới:** Phía Bắc giáp huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; Phía Nam giáp huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Phía Đông giáp huyện Văn Yên và huyện Văn Chấn; Phía Tây giáp huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

**2.3. Thời hạn quy hoạch:** Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2050.

**3. Tính chất, quy mô và mục tiêu**

**3.1. Tính chất**

- Là vùng đô thị, nông thôn với sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thích nghi với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

- Là vùng huyện miền núi gắn với không gian cảnh quan rừng đặc thù, bảo tồn mức độ đa dạng sinh học cao.

- Là vùng có tiềm năng phát triển các lĩnh vực: Dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch mạo hiểm, thủy điện, khai thác khoáng sản, nông nghiệp đặc sản, nuôi trồng thủy sản nước lạnh.

- Là vùng dân cư có đời sống văn hóa, dân tộc đặc thù, hướng tới phát triển các cộng đồng làng gắn với nghề thủ công truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch.

- Là huyện du lịch tiêu biểu và phát triển bền vững của tỉnh Yên Bái; là một cấu phần năng động, đóng góp hiệu quả cho sự phát triển kinh tế- xã hội, văn hóa của tỉnh Yên Bái, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo an ninh quốc phòng.

**3.2. Quy mô**

- Quy mô đất đai: Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là 120.096 ha.



- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch năm 2020 là 65.042 người; Dự báo đến năm 2030 khoảng 90.000 - 92.000 người; đến năm 2050 khoảng 125.000 - 127.000 người.

### **3.3. Mục tiêu của đồ án**

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 21/3/2018; Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 18/10/2016 của Tỉnh ủy Yên Bái về đẩy mạnh phát triển du lịch tỉnh Yên Bái 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển kinh tế địa phương một cách chuyên nghiệp, hiện đại với du lịch “xanh, bản sắc, an toàn, thân thiện” là trọng tâm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, đặt phát triển du lịch nằm trong tổng thể phát triển các ngành kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn, là giải pháp để thoát nghèo bền vững.

- Phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa bền vững, khai thác sử dụng nguồn lực một cách hợp lý, giảm thiểu sự tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên; duy trì sự bảo tồn đa dạng thiên nhiên, xã hội và nhân văn; không đánh đổi sự phát triển bằng mọi giá.

- Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng theo hướng tăng trưởng xanh với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại, sẵn sàng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tạo cơ hội thu hút đầu tư, khai thác tối đa lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các chương trình, dự án, dự kiến kinh phí và phân công các cơ quan liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện.

## **4. Phân vùng chức năng**

### **4.1. Tiểu vùng 1: Trung tâm dịch vụ đô thị**

- Là vùng động lực chính của huyện Mù Cang Chải, bao gồm thị trấn Mù Cang Chải và xã Kim Nội, với tổng diện tích tự nhiên: 39,24 km<sup>2</sup>.

- Dân số hiện trạng 5.505 người, dự báo đến năm 2030 là 17.250 người đến năm 2050 khoảng 28.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Mù Cang Chải; trung tâm hỗ trợ là trung tâm xã Kim Nội.

### **4.2. Tiểu vùng 2: Vùng kinh tế năng lượng**

- Là vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Hồ Bốn, xã Lao Chải, xã Khao Mang, với tổng diện tích tự nhiên 278,05 km<sup>2</sup>.



- Dân số hiện trạng là 17.219 người, dự báo đến năm 2030 là 20.500 người, đến năm 2050 khoảng 28.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là đô thị Khao Mang; trung tâm hỗ trợ là trung tâm xã Hồ Bốn và xã Lao Chải.

#### **4.3. Tiểu vùng 3: Vùng bảo tồn đa dạng sinh học và dự trữ sinh quyển**

- Là vùng động lực phía Tây Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm toàn bộ xã Chế Tạo, với tổng diện tích tự nhiên 235,38 km<sup>2</sup>.

- Dân số hiện trạng là 2.386 người, dự báo đến năm 2030 là 2.700 người, đến năm 2050 khoảng 3.500 người.

- Trung tâm tiểu vùng là trung tâm xã Chế Tạo.

#### **4.4. Tiểu vùng 4: Vùng trọng điểm phát triển du lịch, nghỉ dưỡng tự nhiên**

- Là vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã La Pán Tản, xã Dế Xu Phình, xã Púng Luông, xã Nậm Khắt, xã Cao Phạ, với tổng diện tích tự nhiên 309,32 km<sup>2</sup>.

- Dân số hiện trạng là 23.174 người, dự báo đến năm 2030 là 31.000 người, đến năm 2050 khoảng 41.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là đô thị Nậm Khắt; trung tâm hỗ trợ là đô thị Ngã Ba Kim, trung tâm xã Cao Phạ.

#### **4.5. Tiểu vùng 5: Vùng kinh tế nông, lâm nghiệp đặc sản**

- Là vùng động lực phía Đông Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Mồ Dề, xã Chế Cu Nha, xã Nậm Có, với tổng diện tích tự nhiên 335,90 km<sup>2</sup>;

- Dân số hiện trạng là 16.759 người, dự báo đến năm 2030 là 19.000 người, đến năm 2050 khoảng 25.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng là trung tâm xã Nậm Có, trung tâm xã Chế Cu Nha; trung tâm hỗ trợ là trung tâm xã Mồ Dề.

### **5. Định hướng phát triển không gian vùng huyện**

#### **5.1. Hướng phát triển**

- Hướng Đông Nam là hướng phát triển chủ đạo dựa trên các thế mạnh về thắng cảnh tự nhiên dọc theo Quốc lộ 32.

- Hướng Tây Bắc là hướng phát triển thứ cấp tiếp tục lan tỏa động lực theo Quốc lộ 32.

- Hướng Tây Nam là hướng phát triển phụ kết nối trung tâm xã Chế Tạo và vành đai bảo tồn thiên nhiên xã Chế Tạo.

- Hướng Đông Bắc là hướng phát triển đột phá, khai thác động lực phát triển từ tuyến đường nối Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; kết nối thị trấn Mù Cang Chải với thung lũng Nậm Có.

#### **5.2. Trục phát triển**

- Trục phát triển chính (Quốc lộ 32) theo hướng Đông - Tây mang tính chất trục kinh tế - đô thị - dịch vụ du lịch.



- Trục hỗ trợ Quốc lộ 32: Nâng cấp, kết nối xuyên suốt dựa trên các tuyến đường liên xã hiện hữu; xuất phát từ đèo Khau Phạ, đi qua La Pán Tản, Ngã Ba Kim, Đé Xu Phình, Lao Chải, kết nối với xã Hồ Bốn mang tính chất trục hỗ trợ cho trục phát triển chính trong các tình huống khẩn cấp.

- Trục sinh thái: Đường nối trung tâm xã Kim Nội với trung tâm xã Chế Tạo, đi qua khu bảo tồn sinh cảnh Chế Tạo gắn với các dịch vụ sinh thái, bảo tồn và nghiên cứu môi trường.

- Trục đối ngoại: Đường nối Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai;

- Trục phát triển phụ: ĐT.175B kết nối Ngã Ba Kim, Nậm Khắt đi Sơn La; đường nối Quốc lộ 32 với đường nối Mù Cang Chải - cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi qua Nậm Cót; đường nối Quốc lộ 32 với Nậm Khắt.

### **5.3. Không gian các tiểu vùng**

#### *a) Tiểu vùng 1: Trung tâm dịch vụ đô thị*

Là vùng động lực chính của huyện Mù Cang Chải, bao gồm thị trấn Mù Cang Chải và xã Kim Nội. Trong đó, thị trấn Mù Cang Chải là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao và là trung tâm của tiểu vùng 1. Xã Kim Nội là vùng dự trữ phát triển mở rộng không gian đô thị và bổ sung tiện ích, dịch vụ trong tương lai; vùng tập trung các hoạt động thương mại dịch vụ đô thị gắn với đón tiếp du lịch; cung cấp các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, giải trí, giao lưu văn hóa và các tiện ích khác có liên quan cho khách du lịch.

*b) Tiểu vùng 2: Vùng kinh tế năng lượng:* Là vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Hồ Bốn, xã Lao Chải, xã Khao Mang. Trong đó, đô thị Khao Mang là trung tâm tiểu vùng, nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu, mang tính chất đô thị nghỉ dưỡng. Trung tâm xã Hồ Bốn, xã Lao Chải là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng. Vùng tập trung các hoạt động khai thác năng lượng đổi mới (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) gắn với thủy lợi và nông nghiệp; trồng, khai thác và chế biến cây lương thực, cây hàng năm, cây lâu năm và dược liệu; chăn nuôi gia súc; nuôi cá lồng trên hồ thủy điện. Ngoài ra, đây còn là nơi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dịch vụ du lịch, lưu trú nghỉ dưỡng trên hồ.

*c) Tiểu vùng 3: Vùng bảo tồn đa dạng sinh học và dự trữ sinh quyển:* Là vùng động lực phía Tây Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm toàn bộ xã Chế Tạo. Trung tâm được kiểm soát ở quy mô nhỏ với tầm nhìn đến năm 2050, là trung tâm dịch vụ hỗ trợ cho Khu bảo tồn sinh cảnh Chế Tạo của tiểu vùng 3. Vùng tập trung các hoạt động trồng, khai thác cây lương thực, thảo quả; chăn nuôi; cung cấp các dịch vụ liên quan đến bảo tồn và nghiên cứu về môi trường, sinh vật, du lịch thám hiểm.

*d) Tiểu vùng 4: Vùng trọng điểm phát triển du lịch, nghỉ dưỡng tự nhiên:* Là vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã La Pán Tản, xã Đé Xu Phình, xã Púng Luông, xã Nậm Khắt, xã Cao Phạ. Trong đó, đô thị



Nậm Khắt là trung tâm tiểu vùng, nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu. Đô thị Púng Luông (Ngã Ba Kim) là trung tâm thương mại - dịch vụ liên xã quan trọng. Trung tâm xã Khao Phạ là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng. Vùng tập trung các hoạt động liên quan đến sản xuất hoa; trồng, khai thác và chế biến các loại cây đặc sản, dược liệu; trồng, khai thác và chế biến các loại cây lương thực, cây hàng năm khác, cây lâu năm; chăn nuôi đại gia súc, gia cầm..., nuôi trồng thủy sản nước lạnh; dự trữ tài nguyên khoáng sản cho các ngành sản xuất công nghệ cao trong tương lai; vùng trọng điểm về phát triển du lịch của huyện, tập trung đa dạng các loại hình tham quan du lịch.

*e) Tiểu vùng 5: Vùng kinh tế nông, lâm nghiệp đặc sản:* Là vùng động lực phía Đông Bắc trong tương lai của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Mò Dề, xã Chế Cu Nha, xã Nậm Có, với trục đường nối Quốc lộ 32 với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15) cùng với trung tâm các xã Nậm Có, Chế Cu Nha tạo thành hệ thống động lực hỗ trợ sự phát triển của tiểu vùng. Trong đó, trung tâm xã Nậm Có là trung tâm dịch vụ phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm thiên nhiên dưới tán rừng; trung tâm xã Chế Cu Nha là trung tâm hỗ trợ dịch vụ du lịch thiên nhiên, du lịch trải nghiệm dưới tán rừng của tiểu vùng 5. Trung tâm xã Mò Dề là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng. Vùng cung cấp các dịch vụ liên quan đến du lịch thiên nhiên kết hợp trải nghiệm nông nghiệp; vùng tập trung các hoạt động trồng cây đặc sản, dược liệu; chăn nuôi gia súc; dự trữ tài nguyên khoáng sản cho các ngành sản xuất công nghệ cao trong tương lai.

#### **5.4. Các không gian phát triển đặc thù**

*a) Vùng bảo tồn thiên nhiên:* Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Chế Tạo. Phát triển đô thị hóa có kiểm soát ở các khu vực sườn núi vùng trung tâm xã Chế Tạo. Kiểm soát nghiêm ngặt các hoạt động khai thác và phát triển dân cư ở khu vực rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

*b) Vùng bảo tồn cảnh quan ruộng bậc thang:* Khu vực cảnh quan ruộng bậc thang thuộc các xã La Pán Tẩn, Chế Cu Nha, Đé Xu Phình với quy mô khoảng 2.500ha.

*c) Trục cảnh quan tự nhiên - văn hóa suối Nậm Kim:* Không gian hai bên suối Nậm Kim khai thác các hoạt động du lịch và dịch vụ, kiểm soát và đưa ra các giải pháp thích ứng với thiên tai và thời tiết cực đoan.

#### *d) Vùng khuyến khích phát triển*

- Vùng khuyến khích phát triển đô thị bao gồm các quỹ đất thuận lợi về địa hình và ít chịu tác động bởi thiên tai thuộc 04 thung lũng lớn: Kim Nọi, Nậm Khắt, Nậm Có, Púng Luông. Khuyến khích phát triển đô thị dọc theo tuyến đường động lực từ huyện Mù Cang Chải đến nút giao IC15 (khu vực thung lũng Tà Cua Y).

- Vùng khuyến khích phát triển làng bản cộng đồng dân tộc bao gồm bản làng các dân tộc trên địa bàn huyện có vị trí thuận lợi để phát triển (bản Thái, bản Lìm Thái...).



- Vùng khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống bao gồm các làng nghề truyền thống hiện hữu và các khu vực lân cận (làng nghề dệt thổ cẩm, thêu trang phục dân tộc Mông xã Chế Cu Nha; làng nghề nấu rượu thóc xã La Pán Tản...).

## **6. Quy hoạch sử dụng đất**

- Dự kiến đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 150 - 200ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 750 - 800ha; đất xây dựng các cụm công nghiệp (thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến) khoảng 460 - 470ha; đất xây dựng các trung tâm văn hóa - thể thao - nghiên cứu đào tạo khoảng 110 - 130ha; đất xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch: khoảng 1.800 - 2.000ha.

- Dự kiến đến năm 2050: Đất xây dựng đô thị khoảng 250 - 300ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 950 - 1.050ha; đất xây dựng các cụm công nghiệp (thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến) khoảng 460 - 470ha; đất xây dựng các trung tâm văn hóa - thể thao - nghiên cứu đào tạo khoảng 160 - 180ha; đất xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch: khoảng 2.000 - 2.500ha.

## **7. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn**

### **7.1. Định hướng phát triển đô thị**

Dự kiến đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 22-25,0%; năm 2050 đạt khoảng 27,0-33,0%. Mạng lưới các trọng điểm phát triển đô thị bao gồm: Thị trấn Mù Cang Chải, đô thị Khao Mang, đô thị Ngã Ba Kim, đô thị Nậm Khắt, khu vực trung tâm xã Chế Tạo, khu vực trung tâm xã Nậm Có, khu vực trung tâm xã Chế Cu Nha, khu vực trung tâm các xã trên địa bàn huyện.

### **7.2 Định hướng phát triển nông thôn**

Ưu tiên phân bổ nguồn lực để nâng cao chất lượng sống tại các không gian làng bản vùng cao, vùng khó khăn thông qua đầu tư các kết nối hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố, giữ gìn và nâng cao giá trị các hoạt động kinh tế truyền thống (nghề thủ công, trồng trọt, chăn nuôi...). Phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để khai thác tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1221/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về diện tích, quy mô dân số phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể của từng xã trên địa bàn huyện.

## **8. Định hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng**

### **8.1. Định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

- Tập trung kêu gọi đầu tư ở các ngành công nghiệp trọng yếu. Nghiên cứu quỹ đất, quy hoạch hệ thống các điểm, cụm công nghiệp chế biến, sản xuất nông lâm sản. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện, sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản.



- Đầu tư, quảng bá các làng nghề hiện hữu (làng nghề dệt thổ cẩm, thêu trang phục dân tộc Mông, làng nghề rượu thóc La Pán Tân), phát triển các nghề đã được công nhận nghề truyền thống, định hướng hình thành các làng nghề (nghề chế tác khèn Mông tại các xã : Nậm Khắt, Púng Luông, Mò Dề; nghề rèn, đúc ở các xã Nậm Khắt, Dế Xu Phình, Chế Cu Nha và Kim Nội...). Phát triển các ngành khai thác khoáng sản, chế biến nông lâm sản (chế phẩm từ cây dược liệu, cây lanh...) để cung cấp nguyên vật liệu, phục vụ cho các làng nghề sản xuất truyền thống. Lựa chọn các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống gắn kết với các hoạt động du lịch.

### **8.2. Định hướng phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ**

- Kết nối: Tăng cường kết nối giao thông với các trung tâm du lịch và đô thị lân cận; hình thành hệ thống giao thông thương mại kết nối từ trên cao.

- Thị trường: Tập trung khai thác các thị trường gần; phát triển thị trường quốc tế; mở rộng thị trường hướng đến các phân khúc “ngách”.

- Sản phẩm: Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo; quảng bá lãnh thổ, các sản phẩm du lịch đa phương tiện, kỹ thuật số; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù; khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ; phát triển các sản phẩm du lịch mới.

- Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng: Hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình khảo sát và xây dựng; nâng cao chất lượng các cơ sở lưu trú, thương mại dịch vụ hiện có; đầu tư, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Nhân lực du lịch: Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch, thực hiện các mô hình liên kết đào tạo, đặc biệt là các loại hình du lịch đặc thù; thu hút nguồn lao động du lịch có chất lượng cao từ các địa phương khác.

### **8.3. Định hướng phát triển các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản**

a) *Nông nghiệp*: Phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, dịch vụ du lịch, nâng cao sự bổ trợ qua lại giữa các lĩnh vực; hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp công nghệ cao, gắn với mạng lưới chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Quy hoạch một số vùng thành vùng chăn nuôi theo hướng trang trại, gắn với ao, đồi, vườn rừng theo cơ chế thị trường.

b) *Lâm nghiệp*: Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 là 71-72%. Đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng và phát triển rừng sản xuất, sử dụng nguồn tài nguyên rừng hiệu quả, kinh tế, bền vững.

c) *Thủy sản*: Giữ ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản ở ao hồ nhỏ và diện tích lúa cá; tăng quy mô lồng cá, tăng diện tích nuôi cá đặc sản, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên trên địa bàn.

## **9. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội**

### **9.1. Hệ thống dịch vụ thương mại**

Duy trì và nâng cấp các chợ chính hiện hữu. Xây dựng thêm chợ chính của huyện, các chợ dân sinh, chợ gia súc, chợ văn hóa trung tâm huyện đảm bảo



hoàn chỉnh hệ thống chợ trên địa bàn huyện. Xây dựng hệ thống trung tâm thương mại du lịch, các siêu thị nhỏ, cửa hàng tiện lợi gần các khu vực tập trung khách du lịch. Xây dựng chợ xã ở Chế Tạo. Đến năm 2030, phát triển hệ thống hạ tầng thương mại dịch vụ đồng bộ với hệ thống các điểm du lịch.

### **9.2. Hệ thống giáo dục và đào tạo**

Mở rộng diện tích đất các trường; đến năm 2030 phấn đấu trên 55% số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất; mở rộng hình thức liên kết trong giáo dục đào tạo; đầu tư nâng cấp hạ tầng của Trung tâm dạy nghề Mù Cang Chải, Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Chế Tạo. Cải thiện chất lượng hệ thống trường mầm non ở các xã.

### **9.3. Hệ thống y tế**

Nâng cấp và mở rộng Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải. Bổ sung trang thiết bị Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã nhằm đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh. Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp quy mô Trạm y tế thị trấn, phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã.

### **9.4. Hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao**

Cải tạo sân vận động cấp huyện, mở rộng quy mô và loại hình thể thao. Chỉnh trang, thiết kế cảnh quan công trình quảng trường huyện. Xây dựng thêm các công trình văn hóa cấp huyện. Chú trọng tu bổ công trình di tích lịch sử cấp quốc gia (nơi thành lập đội Du kích Khau Phạ). Đầu tư cải thiện hệ thống hạ tầng các công trình văn hóa thuộc vùng khuyến khích phát triển làng bản truyền thống dân tộc. Tại trung tâm các xã, xây dựng thêm các nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện. Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa xã hiện trạng.

## **10. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật**

### **10.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông**

- Phù hợp với Điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và các quy hoạch chuyên ngành giao thông vận tải Việt Nam và vùng liên quan, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Yên Bái và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện Mù Cang Chải.

- Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và phát triển bền vững. Tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Huyện và bảo đảm an ninh quốc phòng.

#### **a) Giao thông đối ngoại**

- Quốc lộ 32: Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 32 về phía Nam đô thị Mù Cang Chải đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi; xây dựng đường vành đai thị trấn Mù Cang Chải.

- Đường tỉnh 175B: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp IV và cấp V miền núi.



- Xây dựng mới tuyến đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15).

- Đường Ngã Ba Kim - Hồ Bốn: Hình thành tuyến hỗ trợ Quốc lộ 32 về phía Nam, hướng tuyến được kết hợp từ các tuyến đường huyện, liên xã hiện trạng, đồng thời xây dựng mới một số đoạn. Tuyến có điểm đầu từ điểm giao với Quốc lộ 32 tại Ngã Ba Kim; tuyến đi tiếp theo hướng Đông Tây trên nền đường huyện Ngã Ba Kim - Dế Xu Phình kéo dài đến Lao Chải, điểm cuối tuyến kết thúc tại điểm giao với đường Quốc lộ 32 tại xã Hồ Bốn.

- Đường kết nối Quốc lộ 32, tỉnh Yên Bái với Quốc lộ 279, tỉnh Lào Cai: Điểm đầu tuyến thuộc xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn, tuyến kết nối với tuyến đường Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); điểm cuối tại vị trí giáp ranh giữa xã Chế Cu Nha, huyện Mù Cang Chải và xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; tuyến qua địa phận tỉnh Yên Bái có chiều dài tuyến khoảng 22 km kết nối với tuyến đường quy hoạch của tỉnh Lào Cai đi Quốc lộ 279. Quy mô tuyến đạt cấp V miền núi.

#### *b) Giao thông nông thôn*

- Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Yên Bái.

- Mở thêm các tuyến giao thông nông thôn ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030 hệ thống đường huyện tối thiểu đạt cấp V miền núi; Đường xã, liên xã tối thiểu đạt cấp B GTNT. Tỷ lệ kiên cố hóa phần đầu đường huyện đạt 100%; đường xã, thôn bản đạt từ 65-80%.

- Từng bước phát triển đường thôn bản, đường nội đồng để đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hóa sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng mới các tuyến tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội kết nối đến các khu vực phát triển du lịch sinh thái. Các tuyến được xây dựng trên cơ sở nâng cấp từ đường hiện trạng kết hợp xây dựng mới một số đoạn tuyến.

#### *c) Giao thông đô thị*

- Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

- Xây dựng và cải tạo các nút giao thông, trong đó, các nút giao thông chính được lắp đặt đèn tín hiệu điều khiển giao thông.

- Dành quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình ngầm và trồng cây xanh...



*d) Công trình phục vụ giao thông*

- Bến, bãi đỗ xe: Từng bước chuyển đổi công năng bến xe khách Mù Cang Chải thành bãi xe phục vụ du lịch, là điểm trung chuyển giữa phương tiện cá nhân với các phương tiện phụ du lịch chủ yếu. Giai đoạn sau năm 2030 xây dựng bến xe khách mới tại vị trí nút giao giữa đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai và đường Quốc lộ 32 với quy mô khảng 1,0ha. Xây dựng các bãi đỗ xe quy mô nhỏ tại các điểm phát triển du lịch dịch vụ

- Bãi trực thăng: Xây dựng các bãi đáp sân bay trực thăng tại các vị trí có giá trị khai thác du lịch đồng thời phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn như: Tại đèo Khau Phạ, trung tâm du lịch sinh thái, thám hiểm Chế Tạo, trung tâm du lịch tại xã Nậm Khắt...

**10.2. Định hướng quy hoạch san nền, thoát nước mưa**

*a) Giải pháp quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật*

- Dựa vào địa hình tự nhiên và hiện trạng nền xây dựng hiện nay, phân chia công tác san nền mặt bằng xây dựng trên địa bàn huyện thành 2 khu vực:

+ Vùng 1: Khu vực địa hình đồng bằng thung lũng bao gồm các khu đất cao ven suối, độ dốc nền địa hình  $0,5\% < i < 10\%$ . San lấp cải tạo nền dựa trên cơ sở nền địa hình tự nhiên, khu vực thấp trũng, khi xây dựng cần tôn đắp nền xây dựng công trình đảm bảo không bị ngập lụt vào mùa mưa lũ.

+ Vùng 2: Khu vực núi cao sườn núi dốc: Biện pháp san nền tạo mặt bằng xây dựng được áp dụng rộng rãi là san lấp cục bộ và cải tạo nền tại chỗ.

- Quy hoạch về cao độ nền xây dựng, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, thủy văn và tùy theo đặc điểm các khu vực tập trung xây dựng, lựa chọn cao độ nền không chế đảm bảo không bị ngập úng.

+ Khu vực đô thị hiện hữu (thị trấn Mù Cang Chải): Các công trình xây dựng khu vực thuộc tổ 7 (khu vực mở mới cạnh suối Nậm Kim) cao độ nền xây dựng:  $H_{xd} \geq +940,00m$ . Các công trình xây dựng mới trên cánh đồng thuộc Tổ 9 (Bản Thái) cao độ nền xây dựng:  $H_{xd} \geq +943,90m$ . Các công trình xây dựng ven suối Nậm Kim (thuộc tổ 1, 2) cao độ nền xây dựng:  $H_{xd} \geq +944,40m$ .

+ Đô thị ngã ba Kim: Cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +1200,00mm$ .

+ Đô thị Nậm Khắt: Cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +1400,00m$

+ Đô thị Khao Mang: Cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +950m$ .

+ Điểm dân cư nông thôn: Cao độ nền phù hợp với nền hiện trạng từng vùng, đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi.

*b) Giải pháp thoát nước mưa:* Nước mưa trong khu vực huyện Mù Cang Chải được thoát theo độ dốc dạng địa hình tùy từng khu vực và các vùng tiêu thủy lợi theo các lưu vực và trục tiêu chính là các suối trong khu vực. Phân chia làm 03 vùng lưu vực tiêu thoát nước chính như sau:

+ Lưu vực 1 (lưu vực thuộc suối Nậm Kim): Bao gồm thị trấn Mù Cang Chải và các khu vực dân cư nông thôn thuộc các xã phía Bắc và Nam suối Kim.



+ Lưu vực 2 (lưu vực thuộc suối Nậm Có và suối Nậm Tha): Bao gồm các xã ở phía Đông và Đông Nam huyện (xã Nậm Có, xã Cao Phạ và xã Nậm Khắt).

+ Lưu vực 3 (lưu vực thuộc suối Phình Hồ): Bao gồm xã Chế Tạo, Phình Hồ ở phía Tây Nam huyện.

+ Lưu vực 4 (lưu vực suối Nậm Khắt, Nậm Mặn): Bao gồm xã Nậm Khắt ở phía Tây Nam huyện.

- Mạng lưới thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng; nửa riêng, chung với hệ thống thoát nước thải. Kết cấu cống tròn BTCT, cống hộp BTCT, mương rãnh xây có nắp đan.

- Hệ thống thoát nước: Những khu vực được xây dựng mới đồng bộ, hệ thống thoát nước được lựa chọn là hệ thống riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư hiện hữu không có điều kiện tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác nhằm giảm thiểu tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường: Từng bước thực hiện kế hoạch nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, kiên cố hoá các tuyến kênh tưới. Làm mới một số tuyến mương nội đồng và các tuyến rãnh thoát nước trong khu dân cư. Kiên cố hoá kênh mương để đưa hệ số sử dụng kênh mương từ 0,6 - 0,9. Hoàn thiện các tuyến thủy lợi trên địa bàn huyện. Tập trung cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có để phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

### ***10.3. Định hướng quy hoạch cấp nước***

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt tại các suối, hồ trên địa bàn kết hợp nước ngầm.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt toàn huyện đến năm 2030 là: 12.700m<sup>3</sup>/ngđ; Nhu cầu nước công nghiệp đến năm 2030 khoảng 240m<sup>3</sup>/ngđ; Nước khác (tưới cây, rửa đường v.v.) đến năm 2030 khoảng 780m<sup>3</sup>/ngđ.

- Đầu tư nâng cấp trạm cấp nước hiện có tại thị trấn Mù Cang Chải; xây dựng mới 02 trạm cấp nước tại các đô thị: Ngã Ba Kim, Nậm Khắt. Xây dựng trạm cấp nước nông thôn tại các xã: Nậm Có, Chế Tạo, Hồ Bốn.

### ***10.4. Định hướng quy hoạch cấp điện***

Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2030 là 20.617MW. Công suất yêu cầu đến năm 2050 là 38.471 MW, tương đương 42.745 MVA (lấy hệ số Cos $\phi$  = 0,9).

- Giai đoạn đến 2030 nhu cầu phụ tải toàn huyện khoảng 20.617MW, vẫn có thể sử dụng lưới 35kV hiện có để cung cấp.

- Đến 2050 nhu cầu dự kiến đạt 38.5MW, quy hoạch xây dựng trạm 110kV mới tại thị trấn Mù Cang Chải công suất 2x25MVA.

### ***10.5. Định hướng thông tin liên lạc***

- Nhu cầu toàn khu vực đến 2050 khoảng 15.000 thuê bao.



- Mạng ngoại vi: Xây dựng hệ thống cống, rãnh kỹ thuật, bể cấp theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống, rãnh kỹ thuật, bể cấp để phát triển dịch vụ thông tin liên lạc. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè. Các cống, rãnh kỹ thuật, bể cấp và nắp bể đã được chuẩn hóa theo quy chuẩn của ngành.

- Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, phát triển trạm BTS theo công nghệ đa tần giúp doanh nghiệp sử dụng chung khai thác trên các băng tần khác nhau. Cải tạo hoặc di dời các trạm BTS không đảm bảo về an toàn, vị trí ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Ứng dụng các mô hình trạm thu phát nhỏ gọn có thể ngụy trang vào công trình cảnh quan đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Mạng internet: Xây dựng các đường DSLAM từ tổng đài vệ tinh các huyện đến các khu vực mới, đảm bảo cho khoảng 30.000 thuê bao được kết nối Internet băng thông rộng. Khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập. Lắp đặt các điểm phát sóng wifi công cộng tại các khu vực trung tâm thương mại, khu trung tâm hành chính đô thị.

#### **10.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang**

##### *a) Định hướng quy hoạch thoát nước thải*

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2030 là 7.500 m<sup>3</sup>/ngđ, trong đó tại các đô thị đến năm 2030 khoảng 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho các khu đô thị mới. Tại các khu dân cư thôn xóm nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại công trình được thoát chung vào hệ thống nước mưa. Hệ thống thoát nước thải hoạt động theo chế độ tự chảy.

- Nước thải đô thị: Mở rộng, nâng công suất trạm xử lý nước thải Mù Cang Chải đến năm 2025 là 700 m<sup>3</sup>/ngđ; đến năm 2030 là 1.800 m<sup>3</sup>/ngđ. Xây dựng mới trạm xử lý nước thải Ngã Ba Kim đến năm 2025 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2030 là 300 m<sup>3</sup>/ngđ. Xây dựng mới trạm xử lý nước thải Khao Mang đến năm 2030 là 100 m<sup>3</sup>/ngđ; Xây dựng mới trạm xử lý nước thải Nậm Khắt đến năm 2025 là 100 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2030 là 200 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nước thải công nghiệp: Dự kiến xây dựng 02 trạm xử lý nước thải để thu xử lý đạt quy chuẩn mới được xả ra môi trường.

- Nước thải khu vực nông thôn:

+ Các khu dân cư sống tập trung theo cụm: Do lượng nước thải ít, tùy theo địa hình mà bố trí hồ sinh học để xử lý nước thải.

+ Các khu dân cư tập trung theo tuyến: Nước thải được xử lý theo từng hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình (như xây dựng bể tự hoại, hầm biogas...) thải ra mương, cống thoát nước. Khuyến khích xây dựng hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi và giếng tách nước thải tại vị trí miệng xả của hệ thống thoát nước chung để xử lý bằng các phương pháp xử lý tự nhiên như giếng thấm, bãi lọc ngầm...



*b) Quản lý chất thải rắn*

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 khoảng 51,53 tấn/ngày, đến năm 2050 khoảng 86,06 tấn/ng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khuyến khích phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn ngay tại nguồn tại khu vực trung tâm thị trấn Mù Cang Chải. Tiếp tục sử dụng các bãi chôn lấp chất thải rắn hiện có tại xã Nậm Khắt. Cải tạo, xây dựng bãi chất thải rắn tại xã Púng Luông thành khu xử lý chất thải đảm bảo hợp vệ sinh để tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian tới. Thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo bãi chôn lấp tập trung cấp huyện tại Khao Mang. Xây dựng bổ sung 01 lò chất thải rắn tại xã Khao Mang (công suất khoảng 15 tấn/ngày) phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thị trấn Mù Cang Chải và các xã: Khao Mang, Hồ Bốn, Chế Cu Nha, Lao Chải, Mồ Dề, Kim Nọi, Nậm Khắt, Púng Luông, La Pán Tẩn, Dế Su Phình.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các chất thải, phế phẩm có thể tái chế sẽ được tái sử dụng; các chất thải không độc hại sẽ được xử lý chung với chất thải sinh hoạt. Các chất thải độc hại được phải xử lý riêng.

- Chất thải rắn y tế: Chất thải rắn y tế thông thường được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và đưa đi xử lý bằng lò đốt tại Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải.

*c) Quản lý nghĩa trang*

Nhu cầu diện tích đất nghĩa trang huyện Mù Cang Chải giai đoạn năm 2025 tăng thêm 2,74 ha, năm 2030 tăng thêm 3,98 ha và đến năm 2050 tăng thêm 20,57 ha. Tổng diện tích đất nghĩa trang toàn huyện giai đoạn 2021 - 2050 tăng lên 30,9ha.

Dự kiến xây dựng nghĩa trang tập chung tại xã Khao Mang phục vụ khu vực thị trấn Mù Cang Chải, xã Khao Mang, quy mô khoảng 6 ha đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đến năm 2030.

## **11. Đánh giá môi trường chiến lược**

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; môi trường nước, đất; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên...; phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra mục tiêu bảo vệ môi trường, các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch. Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường. Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên, phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại, đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (không gian xanh, hành lang bảo vệ suối các khu vực hạn chế phát triển...).



## **12. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

### ***12.1. Các dự án công trình hạ tầng xã hội***

- Dịch vụ thương mại: Xây dựng chợ văn hóa trung tâm huyện tại thị trấn Mù Cang Chải; nâng cấp chợ chính của huyện tại thị trấn Mù Cang Chải, chợ xã Khao Mang; xây dựng trung tâm thương mại du lịch tại thị trấn Mù Cang Chải, Ngã Ba Kim.

- Giáo dục: Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dạy nghề Mù Cang Chải tại thị trấn Mù Cang Chải.

- Y tế: Mở rộng quy mô Trung tâm y tế huyện tại thị trấn Mù Cang Chải.

- Văn hóa: Xây dựng trung tâm giới thiệu lịch sử tự nhiên - văn hóa Mù Cang Chải tại thị trấn Mù Cang Chải; Cải tạo di tích lịch sử nơi thành lập đội Du kích Khau Phạ tại đèo Khau Phạ.

- Thể thao: Cải tạo, mở rộng quy mô sân vận động huyện tại thị trấn Mù Cang Chải; Xây dựng trung tâm huấn luyện thể dục thể thao mạo hiểm Việt Nam tại đèo Khau Phạ; Xây dựng trung tâm huấn luyện đua xe địa hình tại xã Púng Luông.

### ***12.2. Các dự án nghiên cứu đào tạo***

- Xây dựng trung tâm quan trắc, nghiên cứu khí hậu và cảnh báo thiên tai tại xã Chế Tạo.

- Xây dựng trung tâm nghiên cứu phát triển nông nghiệp vùng cao tại xã Nậm Có.

### ***12.3. Các dự án thương mại, dịch vụ du lịch***

- Du lịch nghỉ dưỡng: Xây dựng khu du lịch Tà Cua Y - Lùng Cúng tại xã Nậm Có; khu du lịch thung lũng hoa và nghỉ dưỡng Đé Xu Phình tại xã Đé Xu Phình; khu du lịch sinh thái rừng thông Đé Xu Phình tại xã Đé Xu Phình; trung tâm du lịch sinh thái khu bảo tồn và sinh cảnh Mù Cang Chải tại xã Chế Tạo; khu du lịch nghỉ dưỡng, thung lũng hoa Nậm Khắt tại xã Nậm Khắt; nâng cấp làng du lịch cộng đồng Suối Kim tại thị trấn Mù Cang Chải; xây dựng trung tâm du lịch thám hiểm và ứng cứu khẩn cấp động vật hoang dã tại xã Lao Chải; xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng, trị liệu Làng Sang tại xã Nậm Khắt.

- Xây dựng trung tâm dịch vụ vận tải, hậu cần du lịch trực thăng Nậm Khắt tại xã Nậm Khắt; trung tâm dịch vụ du lịch trải nghiệm khinh khí cầu tại xã Hồ Bốn và xã Nậm Có.

- Các dự án sản xuất công nghiệp: Xây dựng trung tâm chế biến nông lâm sản tại xã Nậm Khắt, xã Nậm Có; trung tâm chế biến dược liệu tại xã Khao Mang và đèo Khau Phạ.

- Các dự án quy hoạch xây dựng: Quy hoạch chung trung tâm thị trấn Mù Cang Chải; Quy hoạch chung đô thị hồ Khao Mang; Quy hoạch chung đô thị Nậm Khắt; Quy hoạch chung đô thị La Pán Tản - Ngã Ba Kim; Quy hoạch khu du lịch thể thao mạo hiểm Khau Phạ.



#### **12.4. Các dự án giao thông**

- Xây dựng đường nối Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đường tránh thị trấn Mù Cang Chải; đường vành đai thị trấn Mù Cang Chải.

- Nâng cấp Quốc lộ 32; nâng cấp Đường tỉnh 175B; xây dựng mới bến xe khách huyện Mù Cang Chải; xây dựng đường Hồ Bốn - Khao Mang - Chế Cu Nha; đường Ngã Ba Kim - Chế Cu Nha; đường La Pán Tản - Cao Phạ; đường Hồ Bốn - Lao Chải; đường Quốc lộ 32 - Dế Xu Phình - Lao Chải.

- Nâng cấp các tuyến đường huyện và các tuyến đường xã hiện có đưa vào cấp kỹ thuật.

#### **12.5. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư hệ thống cấp điện**

- Thủy điện Phìn Hồ, cụm thủy điện Chế Tạo (Đề Dính Máo 22MW, Phìn Hồ 2 10MW, Mí Háng Tàu 5MW, Nả Háng 2.6MW) xã Chế Tạo.

- Thủy điện Thào Sa Chải, Phìn Ngài, Lùng Cúm xã Nậm Có; thủy điện Chông Khua xã Lao Chải; thủy điện Hồ Bốn 2 xã Hồ Bốn.

#### **12.6. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư hệ thống cấp nước**

- Cải tạo, nâng công suất trạm cấp nước Mù Cang Chải 700 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Xây mới trạm cấp nước Ngã Ba Kim, Nậm Khắt, Nậm Có, Hồ Bốn công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm; xây mới trạm cấp nước Chế Tạo công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Xây dựng một số trạm cấp nước tại các trung tâm du lịch hoặc các khu du lịch lớn trên địa bàn theo nhu cầu thực tế và từng giai đoạn của dự án.

#### **12.7. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư hệ thống thoát nước thải**

- Cải tạo, nâng công suất trạm xử lý nước thải thị trấn Mù Cang Chải, quy mô 700 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Xây mới trạm xử lý nước thải Ngã Ba Kim và Nậm Khắt công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **12.8. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn**

- Đầu tư xây dựng lò đốt chất thải rắn tập trung tại xã Khao Mang.

- Cải tạo bãi chôn lấp Púng Luông xã Púng Luông; bãi chôn lấp Nậm Khắt xã Nậm Khắt.

### **13. Thành phần hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, Quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.



**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia kiểm tra, giám sát và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập chương trình phát triển các tiểu vùng, chương trình phát triển đô thị, nông thôn; từng bước triển khai các dự án ưu tiên đầu tư theo quy hoạch đã duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng quy định về quản lý đô thị, nông thôn, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn và các vùng chức năng theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

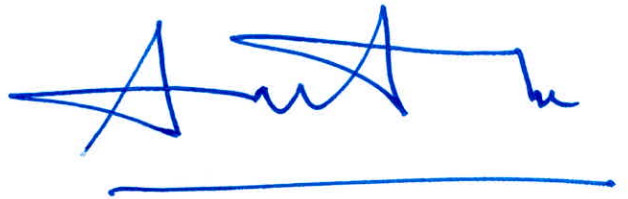
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* *Mu*

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh VP, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. *ny*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Huy Tuấn**